

Số: 24/NQ-MBS-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

(V/v: Ban hành Điều lệ Công ty CP Chứng khoán MB)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01/NQ-MBS-ĐHCĐ ngày 26/03/2026 của MBS;
- Căn cứ vào tình hình thực tế.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng quản trị đồng ý thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán MB đã được sửa đổi, bổ sung lần 14 phù hợp với các quy định pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Nghị quyết số 33/NQ-MBS-HĐQT ngày 28/04/2025 của Hội đồng quản trị về việc “Ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán MB”.

Điều 3. Các Ông (Bà) thuộc Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, các đơn vị/cá nhân có liên quan của MBS chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VP HĐQT.


CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**PHAN PHƯƠNG ANH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN MB**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: 23 / 07 / 2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 2

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	7
ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	7
CHƯƠNG 2	9
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	9
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch và thời hạn hoạt động của Công ty	9
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	10
CHƯƠNG 3	11
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	11
Điều 4. Mục tiêu hoạt động	11
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động	12
Điều 6. Quyền của Công ty	13
Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty	14
Điều 8. Các quy định về cấm và hạn chế.....	16
CHƯƠNG 4	17
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI	17
Điều 9. Vốn Điều lệ và Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	17
Điều 10. Các loại cổ phần.....	18
Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông.....	18
Điều 12. Cổ phiếu.....	19
Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	19
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần	19
Điều 15. Mua lại cổ phần.....	20
Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ.....	21
CHƯƠNG 5	21
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	21
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	21
CHƯƠNG 6	22
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22
Điều 18. Quyền của cổ đông Công ty.....	22



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0


Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 3

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty.....	23
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 22. Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông.....	28
Điều 23. Thay đổi các quyền.....	30
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 26. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 27. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	35
Điều 28. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	36
Điều 29. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	38
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	38
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	39
CHƯƠNG 7.....	40
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	40
Điều 32. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	40
Điều 33. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	42
Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	46
Điều 37. Thành viên Hội đồng quản trị.....	47
Điều 38. Bầu đôn phiếu.....	48
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	49
Điều 40. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp.....	50
Điều 41. Phòng/Bộ phận/Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị.....	54
Điều 42. Các cơ quan chuyên môn của Hội đồng quản trị.....	55
Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty.....	55
CHƯƠNG 8.....	56
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	56
Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý.....	56
Điều 45. Người điều hành Công ty.....	56
Điều 46. Thành phần, nhiệm kỳ, quyền và nghĩa vụ của Ban Tổng Giám đốc.....	56
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	57
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.....	59
Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	59

 MBS	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 4

CHƯƠNG 9	60
BAN KIỂM SOÁT	60
Điều 50. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát.....	60
Điều 51. Thành phần Ban Kiểm soát.....	60
Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.....	60
Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	61
Điều 54. Trưởng Ban kiểm soát.....	61
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	62
Điều 56. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	64
Điều 57. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	65
CHƯƠNG 10	65
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	65
Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	65
Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	66
CHƯƠNG 11	67
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	67
Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	67
CHƯƠNG 12	68
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	68
Điều 61. Công nhân viên và công đoàn.....	68
CHƯƠNG 13	68
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	68
Điều 62. Phân phối lợi nhuận.....	68
CHƯƠNG 14	69
MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY	69
Điều 63. Các nguyên tắc trong mối quan hệ giữa Công ty mẹ và Công ty.....	69
Điều 64. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ với Công ty.....	70
Điều 65. Chế độ kiểm tra giám sát và báo cáo.....	71
CHƯƠNG 15	71
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	71
Điều 66. Tài khoản ngân hàng.....	71
Điều 67. Năm tài chính.....	71
Điều 68. Chế độ kế toán.....	72
CHƯƠNG 16	72



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0


Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 5


BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ.....	72
TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	72
Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	72
Điều 70. Báo cáo thường niên	72
CHƯƠNG 17	73
KIỂM TOÁN CÔNG TY	73
Điều 71. Kiểm toán.....	73
CHƯƠNG 18	73
DẤU CỦA CÔNG TY	73
Điều 72. Dấu của Công ty.....	73
CHƯƠNG 19	74
GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ CÔNG TY	74
Điều 73. Giải thể.....	74
Điều 74. Thanh lý	74
CHƯƠNG 20	75
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	75
Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	75
CHƯƠNG 21	75
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	75
Điều 76. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	75
CHƯƠNG 22	76
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	76
Điều 77. Ngày hiệu lực.....	76

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 6

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 11/09/2025;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;
- Các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Nghị quyết số 01/NQ-MBS/ĐHĐCĐ ngày 26/03/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần chứng khoán MB.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 7

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-MBS-ĐHĐCD ngày 26 tháng 03 năm 2026.


CHƯƠNG 1

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “**Công ty**” là Công ty cổ phần chứng khoán MB;
- “**Vốn pháp định**” là số vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán để Công ty thành lập và hoạt động;
- “**Vốn Điều lệ**” là tổng mệnh giá số cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
- “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;
- “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;
- “**Nghị định 155/2020/NĐ-CP**” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;
- “**Người điều hành Công ty**” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính (nếu có) và các chức danh khác thuộc thành viên Ban Điều hành theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- “**Người quản lý Công ty**” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành (bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều hành theo quyết định của Hội đồng quản trị);
- “**Ban Tổng Giám đốc**” bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc;
- “**Ban Điều hành**” bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Thành viên Ban điều hành và các chức danh khác theo quyết định của Hội đồng quản trị từng thời kỳ;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 8

- k) “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác, tùy từng trường hợp áp dụng;
- l) “**UBCK**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- m) “**Điều khoản**” có nghĩa là một điều khoản của Điều lệ này;
- n) “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;
- o) “**Cổ đông**” của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- p) “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- q) “**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- r) “**Công ty mẹ**” của Công ty là tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau:
- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số vốn cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty;
 - Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty
- s) “**Người đại diện**”: Là người đại diện vốn của Công ty mẹ hoặc người đại diện khác của Công ty mẹ tại Công ty;
- t) “**Môi giới chứng khoán**” là việc làm trung gian thực hiện mua, bán chứng khoán cho khách hàng;
- u) “**Tự doanh chứng khoán**” là việc công ty chứng khoán mua, bán chứng khoán cho chính mình; kể
- v) “**Bảo lãnh phát hành chứng khoán**” là việc cam kết với tổ chức phát hành nhận mua một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết hoặc cố gắng tối đa để phân phối số chứng khoán cần phát hành của tổ chức phát hành;
- w) “**Tư vấn đầu tư chứng khoán**” là việc cung cấp cho khách hàng kết quả phân tích, báo cáo phân tích và đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán;
- x) “**Chứng khoán phái sinh**” là công cụ tài chính dưới dạng hợp đồng, bao gồm hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương lai, hợp đồng kỳ hạn, trong đó xác nhận quyền, nghĩa vụ của các bên đối với việc thanh toán tiền, chuyển giao số lượng tài sản cơ sở nhất định theo mức giá đã được xác định trong khoảng thời gian hoặc vào ngày đã xác định trong tương lai;
- y) “**Kinh doanh chứng khoán phái sinh**” là việc thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động sau đây: (i) Môi giới chứng khoán phái sinh; (ii) Tự doanh chứng khoán phái sinh; (iii) Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh và các hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh khác phù hợp quy định pháp luật;
- z) “**Chứng quyền có bảo đảm**” là chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó theo mức giá đã được



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 9

xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện;


- aa) “*Sở giao dịch chứng khoán*” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - bb) “*Sản phẩm tài chính*” là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành được dựa trên chứng khoán cơ sở theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
 - cc) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - dd) “*Giấy phép thành lập và hoạt động*” là giấy phép số 116/GP-UBCK được Ủy ban chứng khoán Việt Nam cấp ngày 09/12/2013 và các Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty từng thời kỳ.
 - ee) “*Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)*” là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của Điều khoản hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều... của Điều lệ này) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi, hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG 2

**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
 - b) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: MB SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
 - c) Tên giao dịch: CÔNG TY CHỨNG KHOÁN MB
 - d) Tên Công ty viết tắt: MBS

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 10

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty thuộc hình thức công ty cổ phần được cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh Nghiệp, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở Công ty:

- Địa chỉ: Khu vực 1 - Tầng 7-8 Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Tp. Hà Nội
- Điện thoại: (84.24) 73045688 Fax: (84.24) 3726 2601
- Website: www.mbs.com.vn

4. Chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch:

- a) Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và có thể có văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép;
- b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (nếu có) là những đơn vị phụ thuộc của Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (nếu có) phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật:
 - a) Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b) Quyền của Người đại diện theo pháp luật:
 - Nhân danh Công ty ký kết các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của mình hoặc các giao dịch, hợp đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - Được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan;
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ này.
 - c) Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 11


- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại điểm c khoản này.
3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
 4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 5. Trường hợp Công ty chỉ còn một người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, kết án tù, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
 6. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 3

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Nhiệm vụ kinh doanh chứng khoán của Công ty là:

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 12

- a) Môi giới chứng khoán;
 - b) Tự doanh chứng khoán;
 - c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d) Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - e) Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
 - f) Phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, bao gồm và không giới hạn bởi các nghiệp vụ chào bán, niêm yết chứng quyền; tạo lập thị trường cho chứng quyền; giao dịch nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền; môi giới và tư vấn đầu tư chứng quyền...
 - g) Công ty được giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
2. Đối với nghiệp vụ chào bán, giao dịch chứng quyền có bảo đảm và chào bán các sản phẩm tài chính khác:
- a) Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty có các quyền được quy định cụ thể tại từng đợt phát hành trên cơ sở tuân theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp...;
 - b) Chủ trương chào bán chứng quyền và tổng giá trị chứng quyền được phép chào bán hoặc tỷ lệ giá trị chứng quyền được phép chào bán từng đợt tuân thủ theo quy định của pháp luật;
 - c) Phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản tuân thủ theo quy định của pháp luật.
 - d) Đối với việc chào bán các sản phẩm tài chính khác: Công ty được thực hiện chào bán khi tuân thủ các điều kiện theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hội đồng quản trị đánh giá, đề xuất phương án và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán sản phẩm tài chính phù hợp quy định pháp luật.
3. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; tạo lập thị trường; tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân và các nghiệp vụ, dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 4. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1, khoản 3 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.
 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty: Công ty được phép tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh ngành nghề, sản phẩm dịch vụ phù hợp quy định tại Điều lệ, giấy phép, quy định pháp luật, các ngành nghề đã đăng ký, thông báo thay đổi với cơ quan quản lý và đã công bố trên Cổng thông



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.DLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 13


tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trong trường hợp pháp luật có yêu cầu. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan trước khi kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.
8. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
9. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
10. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
11. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định pháp luật.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 14

4. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
5. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nghĩa vụ chung:
 - a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan;
 - b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính và quy định pháp luật;
 - e) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - f) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính và quy định pháp luật;
 - g) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính và quy định pháp luật về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - h) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - i) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - j) Thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp khi được yêu cầu.
2. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định.
3. Nghĩa vụ đối với cổ đông:
 - a) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - b) Không được thực hiện các hành vi sau:
 - Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0


Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 15

- Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- 4. Nghĩa vụ đối với khách hàng:
 - a) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
 - b) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
 - c) Ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
 - d) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
 - e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
 - f) Thận trọng, kiểm soát xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
 - g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
 - h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
 - i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
 - j) Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - + Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 16

+ Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Điều 8. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

- a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm cố định ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch với khách hàng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng, trừ trường hợp thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến;
- d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng đứng tên tài khoản bằng văn bản;
- e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- g) Không được tiết lộ các nội dung đặt lệnh giao dịch của khách hàng hoặc thông tin bí mật khác khi thực hiện các giao dịch cho khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc để công bố thông tin hoặc theo yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
- h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- i) Công ty không được dùng tiền, tài sản của Công ty hoặc của Khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba;
- j) Công ty, nhân viên tại Công ty không được thực hiện các công việc sau: (i) Môi giới giao dịch vay, mượn tài sản giữa các khách hàng hoặc giữa khách hàng và bên thứ ba trừ trường hợp vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch hoặc vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục; (ii) Đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật;
- k) Các hành vi cấm và hạn chế khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật từng thời kỳ.

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán tại Công ty:



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 17

Người hành nghề chứng khoán chỉ được hành nghề chứng khoán với tư cách đại diện cho Công ty; phải tham gia các khóa tập huấn về pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới do UBCK, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tổ chức và không được thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Đồng thời làm việc cho từ 02 công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán trở lên;
 - b) Mở, quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán nơi mình không làm việc, trừ trường hợp công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc không có nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
 - c) Thực hiện hành vi vượt quá phạm vi ủy quyền của Công ty.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
 - c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;
 - d) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - e) Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - f) Các hành vi cấm và hạn chế khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 4

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI


Điều 9. Vốn Điều lệ và Tỷ lệ sở hữu nước ngoài

1. Vốn Điều lệ

Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 6.673.189.810.000 VNĐ (Sáu nghìn sáu trăm bảy mươi ba tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- a) Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là không quá 49% Vốn Điều lệ của Công ty;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 18

- b) Việc sửa đổi Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận cụ thể tại Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong phạm vi phù hợp quy định pháp luật; Công ty báo cáo UBCK và công bố thông tin về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên trang thông tin điện tử của mình, của Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 10. Các loại cổ phần

- Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 667.318.981 (Sáu trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm mười tám nghìn, chín trăm tám mươi một) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)/cổ phần. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ này.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá hoặc Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
- Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông quyết định về các đối tượng được phép nhận cổ phiếu ưu đãi phù hợp với quy định pháp luật, Hội đồng quản trị được phép quyết định khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền trong phạm vi phù hợp quy định pháp luật.
- Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

- Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 19

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: Văn bản giấy và/hoặc tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 12. Cổ phiếu


- Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
- Trường hợp cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành trên cơ sở phù hợp và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

- Tất cả cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ này. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 20

khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký theo quy định của Công ty. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.
5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.
7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.


Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.
2. Các trường hợp mua lại cổ phần
 - a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó đã biểu quyết không tán thành đối với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc: tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông;

Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc do Công ty ban hành trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 21

giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b) Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm Vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng Vốn Điều lệ của Công ty:
 - Chào bán và/hoặc phát hành cổ phần để huy động vốn phù hợp quy định của pháp luật;
 - Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
 - Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ;
 - Các hình thức tăng vốn điều lệ khác phù hợp với quy định pháp luật.
3. Việc giảm Vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.
4. Sau khi đã thay đổi Vốn Điều lệ, Công ty phải công bố Vốn Điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật, sửa đổi Điều 9, Điều 10 của Điều lệ này phù hợp với mức Vốn Điều lệ mới. Việc sửa đổi Điều 9, Điều 10 của Điều lệ này do thay đổi mức Vốn Điều lệ do Hội đồng quản trị quyết định thực hiện trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
5. Thủ tục tăng, giảm Vốn Điều lệ thực hiện theo hướng dẫn của UBCK và quy định của pháp luật.
6. Trước khi thực hiện việc tăng Vốn Điều lệ, Công ty phải đăng ký với UBCK theo quy định của pháp luật hiện hành.


CHƯƠNG 5

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Ban Tổng Giám đốc.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 22

CHƯƠNG 6 CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông Công ty

Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

1. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
2. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
3. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
4. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.
5. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
6. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
7. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
8. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.
9. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.
10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.
11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị


Trang: 23

quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy bỏ hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.


12. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành.
13. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
 - a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành.
14. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện phù hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
15. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện. Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 24


1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Trực tiếp tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này;
 - d) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: (i) hướng dẫn chi tiết việc thực hiện biểu quyết thông qua các phương thức này trên cơ sở phù hợp các quy định của pháp luật và (ii) ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - f) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.
6. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty và người có liên quan không được sở hữu trên 05% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác trái quy định pháp luật.
7. Cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và khi có sự thay đổi.
8. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
9. Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích của Công ty.
10. Cổ đông lớn, người nội bộ của Công ty phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
11. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 25

- a) Thông qua các giao dịch, hợp đồng khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của giao dịch, hợp đồng;
 - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
12. Ngoài các nghĩa vụ nêu trên, cổ đông lớn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
- a) Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b) Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
13. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông


1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết và báo cáo UBCK bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và sẽ thực hiện tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 13 Điều 18 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 26


- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;
- e) Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 27

- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m) Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 28

- s) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - t) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - u) Quyết định việc tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty;
 - v) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành. Các nội dung ủy quyền phải được ghi cụ thể trong Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.
 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ này.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Đối với cổ đông là cá nhân và tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông: Có thể ủy quyền cho 01 (một) người đại diện;
 - b) Đối với cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông: Có quyền ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo pháp luật hiện hành có liên quan.
5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 29

Ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền:

- Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
- Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
- Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.


7. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty trên cơ sở phù hợp quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

8. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 30

sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 23. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Tuy nhiên, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu số cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25, Điều 26 và Điều 27 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 31

ngày đăng ký cuối cùng. Các quy định khác có liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ theo quy định pháp luật có liên quan;


- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm và/hoặc bằng các phương thức điện tử để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với Công ty (bao gồm việc gửi thư điện tử, số fax, tin nhắn, thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của Công ty từng thời kỳ), đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật (nếu có). Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi Công ty có trụ sở chính (nếu cần). Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc theo địa chỉ thư điện tử làm việc do Công ty cung cấp.

Việc gửi Thông báo mời họp bằng các phương tiện điện tử nêu trên và cách thức thực hiện do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi đi một cách hợp lệ như gửi trực tiếp cho cổ đông, ngày gửi cho cơ quan bưu điện/tổ chức dịch vụ bảo đảm/chuyển phát nhanh, ngày hệ thống thông tin/phương tiện điện tử của Công ty báo đã gửi). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 32

- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 13 Điều 18 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập/số đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng, loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nêu tại khoản 4 nêu trên nếu:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này; hoặc
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - c) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 13 Điều 18 Điều lệ này; hoặc
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì phải đưa các kiến nghị họp lệ vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp,



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị


Trang: 33

được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông: Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử (trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ có nội dung bầu cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát), trên đó ghi mã số của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết không tán thành, tập hợp số thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến và không hợp lệ. Cuối cùng đếm tổng số thẻ/phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Trong trường hợp này, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - Chủ tọa cử một/một số người làm thư ký cuộc họp;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 34

- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách hợp lệ, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
- Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Các trường hợp Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm hoặc thay đổi địa điểm họp:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
 - Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông họp lại sẽ chỉ xem xét các vấn đề được đặt ra nhưng chưa được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hoãn trước đó.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 35

thể chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp không bị ảnh hưởng bởi sự kiện này.

8. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.


Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

9. Việc Công ty áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác, thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định nội bộ của Công ty phù hợp quy định pháp luật.

10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Điều 27. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a) Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - b) Các trường hợp phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khác theo quy định của pháp luật.
4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều 23 và khoản 5, khoản 6 Điều này:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 36

- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể công ty.
5. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này; khoản 1 Điều 23; khoản 8 Điều 28 và khoản 3, khoản 4 Điều 38 Điều lệ.
6. Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 38 Điều lệ này.
7. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo thể thức quy định tại Điều 30 Điều lệ này.
8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0


Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 37

- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện của tổ chức được ủy quyền. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Gửi fax hoặc thư điện tử hoặc các phương thức điện tử khác, phương thức kết hợp khác phù hợp quy định pháp luật: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, các phương thức điện tử hoặc phương thức kết hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
 - d) Đối với phiếu lấy ý kiến theo phương thức điện tử khác hoặc phương thức kết hợp khác: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị hướng dẫn chi tiết việc thực hiện biểu quyết thông qua các phương thức này, ban hành các quy định cũng như thực hiện các sửa đổi, bổ sung, thay thế liên quan trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tế triển khai tại Công ty.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải người nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày,

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 38

kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ theo Điều 60 Điều lệ Công ty.
8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị


Trang: 39

- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.
6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ theo Điều 60 Điều lệ.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc một phần nội dung Nghị quyết trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 40

CHƯƠNG 7 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 38 Điều lệ.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan về những người được đề cử vào Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - f) Thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên;
 - g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i) Các thông tin khác (nếu có).
4. Những ứng viên được đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026


Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 41

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - c) Không được đồng thời là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 (năm) công ty khác;
 - d) Có tư cách đạo đức và phẩm chất chính trị tốt;
 - e) Có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
 - f) Không đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;
 - g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật.
6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- Ngoài những tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị cần phải đáp ứng các điều kiện dưới đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
7. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
8. Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 33. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị

 MBS	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 42

- a) Hội đồng quản trị của Công ty có ít nhất là 03 (ba) người và tối đa là 11 (mười một) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Mỗi cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Hội đồng quản trị vừa kết thúc nhiệm kỳ phải tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc;
 - c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được thành viên mới thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;
 - d) Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:
- a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
3. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bảo đảm quy định sau:
- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể:



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0


Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 43

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này;
- i) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty sau: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, thành viên ban điều hành và các chức danh khác (nếu có) theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị; quyết định mức lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của người quản lý nêu trên;
- j) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công, định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc; kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định của Hội đồng quản trị.
- k) Phê duyệt kế hoạch và/hoặc mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và những điều chỉnh, sửa đổi (nếu có) do Tổng Giám đốc đề nghị,
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- m) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, hoạt động và quản trị của Công ty phù hợp với quy định pháp luật, hướng dẫn của UBCK, Sở Giao dịch chứng khoán, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết quyết;

 MBS	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 44

- o) Quyết định chính sách đầu tư, chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Công ty;
 - p) Xem xét, phê duyệt đề trình báo cáo tài chính năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - r) Quy định về việc sử dụng các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm ban hành quy định, phân cấp thẩm quyền sử dụng quỹ và các nội dung khác có liên quan, Quy định về việc trích lập và sử dụng các quỹ trước thuế của Công ty phù hợp quy định pháp luật.
 - s) Quyết định giá chào bán cổ phần mới, bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của Công ty;
 - t) Quyết định phương án phát hành chào bán trái phiếu doanh nghiệp (ngoại trừ chào bán trái phiếu chuyển đổi, chào bán trái phiếu kèm chứng quyền);
 - u) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - v) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - w) Cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
 - x) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - y) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - z) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
 - aa) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan;
 - bb) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị;
 - cc) Các quyền và nghĩa vụ khác theo pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các bản bản nội bộ liên quan.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác phù hợp với pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị


Trang: 45

4. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao và tiền thưởng, lợi ích khác cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (có chế độ làm việc như Cán bộ nhân viên Công ty), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các cơ quan chuyên môn/Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác được Hội đồng quản trị xác định là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm khoản tiền dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, thưởng hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 46

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các cơ quan chuyên môn của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - d) Tổ chức thực hiện và giám sát hoặc giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Giám sát Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
 - g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ liên quan và các quy định pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 47

đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;

Điều 37. Thành viên Hội đồng quản trị


Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin: thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

b) Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý Công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- Báo cáo UBCK, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 48

c) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Bầu dòn phiếu

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và dòn phiếu bầu cho người họ đề cử.
2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:

a) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị như sau:

- (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- (vi) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- (vii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- (viii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- (ix) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên vào Hội đồng quản trị.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 49

pháp luật.

b) Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên thành viên Ban Kiểm soát như sau:


- (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên vào Ban Kiểm soát;
- (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên vào Ban Kiểm soát;
- (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên vào Ban Kiểm soát;
- (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên vào Ban Kiểm soát;
- (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên vào Ban Kiểm soát.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị


1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Điều lệ này;
 - b) Thành viên đó gửi đơn xin từ chức và được chấp thuận;
 - c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên của Hội đồng quản trị có

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 50


- những bằng chứng chuyên môn hợp pháp chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi dân sự;
- d) Thành viên đó vắng mặt, không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Không còn là người đại diện quản lý phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại Công ty;
 - g) Thành viên đó là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - h) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;
 - i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ này.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới tại cuộc họp gần nhất.

Điều 40. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp 01 (một) lần.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 51

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, trong các trường hợp sau đây:
 - a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c) Nhận được đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
4. Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác theo quy định nội bộ của Công ty, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 52

ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn ½ (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Khách mời: Ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, những người sau là khách mời dự Cuộc họp Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải cho phép họ tham dự, bao gồm:

- Tổng Giám đốc;
- Thành viên Ban Kiểm soát;
- Những người quản lý và người lao động khác của Công ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị mời tham dự;
- Phiên dịch của thành viên Hội đồng quản trị là người nước ngoài (nếu có).

Các khách mời nói trên có quyền tham dự Cuộc họp Hội đồng quản trị và thảo luận các vấn đề, nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 15 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định nội bộ của Công ty.

12. Biểu quyết:

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 53

tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ. Trong trường hợp chủ tọa là người có lợi ích liên quan thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ biểu quyết chọn một người khác trong số thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa,

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
14. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
15. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự (hội nghị trực tuyến) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại hoặc nếu không có một nhóm như thế, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Riêng đối với trường hợp lấy ý kiến biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị) phải được gửi cho bộ phận Thư ký Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Nếu sau thời hạn yêu cầu trả lời, thành viên nào không trả lời xem như



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị


Trang: 54

không có ý kiến. Những vấn đề được lấy ý kiến bằng văn bản/email cũng sẽ được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên Hội đồng quản trị phải được tổng hợp thành Biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “tán thành/không tán thành/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

18. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác theo Điều 60. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung bắt buộc theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì biên bản đó có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và pháp luật có liên quan.
19. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Phòng/Bộ phận/Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Tham mưu chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
2. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
3. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
4. Chức năng khác do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.


	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 55

Điều 42. Các cơ quan chuyên môn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban, ủy ban, hội đồng trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, đầu tư và các cơ quan chuyên môn khác. Số lượng thành viên của cơ quan chuyên môn do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 03 người. Thành viên của cơ quan chuyên môn có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài không là thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị giao quyền. Hoạt động của tiểu ban, ủy ban, hội đồng phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Quyết định của tiểu ban, ủy ban, hội đồng này chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp theo quy chế/quy định hoạt động của tiểu ban, ủy ban, hội đồng.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Hội đồng quản trị phân công, giao nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn thực hiện một số nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ quản lý, điều hành công ty phù hợp thẩm quyền và giới hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc các vấn đề cần Hội đồng quản trị trực tiếp thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định, bổ nhiệm một (hoặc nhiều) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Điều lệ.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có hiểu biết về pháp luật;
 - b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp; Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 56

- e) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- f) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- g) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- i) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- j) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- k) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG 8

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, ký hợp đồng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 45. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu quản lý của Công ty và quy định của Hội đồng quản trị. Người điều hành Công ty có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương, thưởng và các lợi ích khác. Tiền lương và thưởng, lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Thành phần, nhiệm kỳ, quyền và nghĩa vụ của Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm.



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026


Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 57

3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - b) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
4. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - a) Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và được trả theo các quy định nội bộ của Công ty;
 - Tiền lương, thưởng của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - b) Nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - Công khai các lợi ích và người có liên quan của họ với Công ty theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.
 - c) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

 MBS	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 58

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu, cụ thể như sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Kiến nghị phương án trả cổ tức, sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g) Kiến nghị số lượng và các chức danh người điều hành Công ty mà công ty cần bổ nhiệm để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các thông lệ hoạt động quản lý tốt theo quyết định của Hội đồng quản trị và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - h) Tuyển dụng lao động, tổ chức tuyển dụng; quyết định lương thưởng của Người lao động theo thẩm quyền;
 - i) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;
 - j) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 59

trị. Tổng giám đốc được phân cấp, ủy quyền lại phù hợp quy định của Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc


1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
4. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
5. Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị phá sản, trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng;
6. Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
7. Trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc: có bằng đại học hoặc trên đại học; và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty; và phải có 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong doanh nghiệp khác;
8. Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh chứng khoán;
9. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này;
2. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
3. Theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;
4. Các trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật.

HDQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD khi đa số thành viên HDQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 60

CHƯƠNG 9 BAN KIỂM SOÁT

Điều 50. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

- Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như quy định tại Điều 38 Điều lệ này.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

Điều 51. Thành phần Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát của Công ty phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên.
- Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều 38 Điều lệ này.
- Thành viên Ban Kiểm soát có thể không phải là cổ đông Công ty.

Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là Người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác;



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 61

7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty của Công ty, công ty mẹ; người đại diện phần vốn góp của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;
8. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật;
9. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.


Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này;
2. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
3. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
4. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn hợp pháp chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
5. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
6. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
7. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 54. Trưởng Ban kiểm soát


1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
2. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành Công ty khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 62

- c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:
 - a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
 - b) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - c) Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;
 - d) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - e) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - f) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - g) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
 - i) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 13 Điều 18 của Điều lệ này;
 - j) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 13 Điều 18 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 63

- k) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- l) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người điều hành Công ty khác vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;
- m) Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
- n) Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- o) Ban hành các quy định nội bộ khác của Ban kiểm soát phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ.
- p) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- q) Thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật khác có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a) Quyền của Ban Kiểm soát:
- Sử dụng tư vấn độc lập, Phòng kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
 - Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Được cung cấp, tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty đầy đủ:
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành Công ty khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, bao gồm:
- + Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 64

- + Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
 - + Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.
- Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
- b) Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:
- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khách quan, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
 - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do hành vi vi phạm này phải hoàn trả Công ty.
4. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu thành viên Ban Kiểm soát có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 56. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải tổ chức, hoạt động theo quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các văn bản nội bộ khác của Ban Kiểm soát đã ban hành phù hợp theo quy định pháp luật, Điều lệ.



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 65

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất của Ban Kiểm soát phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên tham dự.
4. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (người ghi biên bản) và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
5. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 57. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát


1. Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và được hưởng các quyền lợi, lợi ích khác phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. Tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy định nội bộ Công ty.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG 10

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi


1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 66

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 67

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG 11

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác do Hội đồng quản trị quyết định:
 - a) Điều lệ Công ty; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế quản trị nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại đơn vị quản lý cổ đông khác được Hội đồng



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 68

- quản trị chi định hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật);
- b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
 - c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty;
 - d) Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;
 - e) Bản cáo bạch đề chào bán hoặc niêm yết chứng khoán;
 - f) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.
 - h) Đối với các tài liệu do Hội đồng quản trị ban hành bao gồm nghị quyết, quyết định, thông báo, biên bản, báo cáo,... có thể lưu trữ điện tử
 - i) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu Công ty theo quy định của Điều lệ và pháp luật. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu trên thực hiện theo quy định của pháp luật.
6. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG 12

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 61. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị theo thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động, cũng như mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 13

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 62. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 69

- Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.


CHƯƠNG 14

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY

Điều 63. Các nguyên tắc trong mối quan hệ giữa Công ty mẹ và Công ty

- Nguyên tắc thống nhất, độc lập và tự chủ:
 - Công ty mẹ thực hiện quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ các bên tham gia bình đẳng trước pháp luật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật;
 - Công ty mẹ thống nhất quản lý Công ty trên cơ sở xây dựng các nguyên tắc, tiêu chuẩn quản lý phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động;
 - Công ty mẹ và Công ty có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan về hình thức tổ chức và hoạt động của từng công ty.
- Nguyên tắc chi phối:

Công ty mẹ thực hiện quản lý Công ty thông qua quyền chi phối đối với Công ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty; phù hợp điều lệ của Công ty mẹ, Điều lệ Công ty, quy chế của Công ty mẹ và các quy định pháp luật có liên quan.
- Nguyên tắc quản lý thông qua người đại diện:
 - Công ty mẹ quản lý Công ty thông qua Người đại diện: các Người đại diện trực tiếp thay mặt Công ty mẹ quản lý Công ty, đảm bảo quyền cổ đông của Công ty mẹ phù hợp với Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ của Công ty mẹ và các quy định của pháp luật liên quan;

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.DLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 70

b) Người đại diện vốn, Người đại diện khác có trách nhiệm triển khai chiến lược, các kế hoạch, định hướng hoạt động của Công ty mẹ tới Công ty.

4. Nguyên tắc phối hợp, hiệu lực Tập đoàn:


- a) Công ty và các công ty con của Công ty mẹ hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực có liên quan trên cùng địa bàn có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ với Công ty mẹ và với nhau theo đúng định hướng, chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường đã được Công ty mẹ chấp thuận;
- b) Không được phép cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa Công ty mẹ, các công ty con của Công ty mẹ; làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty mẹ và Tập đoàn;
- c) Công ty mẹ, Công ty và các công ty con của Công ty mẹ ưu tiên phân phối, sử dụng các sản phẩm dịch vụ của nhau, ưu tiên dành nguồn lực/hạ tầng để phát triển các sản phẩm bán chéo và/hoặc cùng nhau xây dựng các sản phẩm liên kết để cung cấp cho khách hàng, phù hợp quy định pháp luật;
- d) Công ty mẹ, Công ty và các công ty con của Công ty mẹ áp dụng cơ chế giá, phí đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định nội bộ từng bên;
- e) Theo chức năng nhiệm vụ được phân giao, các Khối/Cơ quan/Phòng/Ban nghiệp vụ tại Công ty mẹ tham mưu, tư vấn cho Người đại diện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phù hợp với quy định nội bộ và quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các Cơ quan quản lý Công ty mẹ có thể tác nghiệp trực tiếp với các cơ quan nghiệp vụ của Công ty. Các thức phối hợp, tác nghiệp, trao đổi thông tin giữa các bên được thực hiện phù hợp với quy định nội bộ và quy định pháp luật.

Điều 64. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ với Công ty

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 63 Điều lệ này, Công ty mẹ (thông qua Người đại diện phần vốn góp) có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện quyền của cổ đông, thông qua Người đại diện của mình hoặc thực hiện quyền của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Yêu cầu Công ty cung cấp các báo cáo theo yêu cầu để thực hiện công tác quản trị và giám sát của Công ty mẹ với Công ty.
3. Được hưởng các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật khác có liên quan.
4. Công ty mẹ có nghĩa vụ:
 - a) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn cam kết;
 - b) Tuân thủ quy định pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty mẹ và Công ty;
 - c) Hỗ trợ về vốn, công nghệ, phối hợp bán chéo sản phẩm, giới thiệu khách hàng... theo thỏa thuận giữa Công ty mẹ và Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật;



	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 71

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, các Điều lệ và quy chế của Công ty mẹ và của Công ty.

Điều 65. Chế độ kiểm tra giám sát và báo cáo

1. Kiểm tra giám sát:
 - a) Theo yêu cầu của Công ty mẹ về việc kiểm tra, kiểm toán, Người đại diện có trách nhiệm đảm bảo quyền kiểm tra, kiểm soát của Công ty mẹ;
 - b) Công ty mẹ thực hiện việc cử đoàn kiểm tra hoặc tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty, kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh, tuân thủ theo Điều lệ và quy định nội bộ khác của Công ty mẹ;
 - c) Hoạt động kiểm tra hoặc tham gia kiểm tra của Công ty mẹ với Công ty được yêu cầu/đề nghị định kỳ hoặc bất thường khi cần thiết.
2. Báo cáo
 - a) Hoạt động báo cáo của Công ty cho Công ty mẹ được thực hiện thông qua Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty phù hợp với quy định nội bộ của mỗi bên;
 - b) Tùy theo nội dung, tính cấp bách của công việc, hoạt động báo cáo có thể thông qua các hình thức: văn bản, fax, email, điện thoại trực tiếp.

CHƯƠNG 15


TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 66. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 67. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn 04 (bốn) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB	Mã văn bản: QCCQT.B1.ĐLCT
		Phiên bản: 14.0
	Lĩnh vực: Quản trị chung	Ngày hiệu lực: / /2026
	Loại văn bản: Quy chế quản trị	Trang: 72

Điều 68. Chế độ kế toán

- Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt hoặc có thể bằng tiếng nước ngoài phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG 16

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

- Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
- Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 70. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 73

**CHƯƠNG 17
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 71. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

**CHƯƠNG 18
DẤU CỦA CÔNG TY**

Điều 72. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu, việc sử dụng, quản lý, lưu giữ dấu của Công ty, Chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người có thẩm quyền khác của Công ty sử dụng và quản lý dấu theo quy định của Công ty và của pháp luật hiện hành.



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: / /2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 74

CHƯƠNG 19

GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ CÔNG TY

Điều 73. Giải thể

- Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 74. Thanh lý

- Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý;
 - Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - Nợ thuế;
 - Các khoản nợ khác của Công ty;
 - Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.





**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.ĐLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: 03 / 09 / 2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 75

CHƯƠNG 20

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý, người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG 21

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 76. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác hoặc trái với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP
CHỨNG KHOÁN MB**

Mã văn bản: QCQT.B1.DLCT

Phiên bản: 14.0

Lĩnh vực: Quản trị chung

Ngày hiệu lực: 03 / 07 / 2026

Loại văn bản: Quy chế quản trị

Trang: 76

**CHƯƠNG 22
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ**

Điều 77. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 Chương 77 Điều, đã được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2026 và được ban hành theo Nghị quyết số 24/NQ-MBS-HĐQT ngày 03/07/2026 và thay thế Điều lệ ban hành ngày 28/04/2025.
2. Điều lệ này được lập thành 02 bản gốc có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 03/07/2026. ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phan Phương Anh